

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025– 2026

ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO LỚN

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động			
1	- Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. +Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.	1-> 9

2	- Trẻ có khả năng giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,3 m) một đầu kê cao 0,3m. + Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. + Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây. + Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.	- Đi bằng mép ngoài bàn chân - Đi khuyu gối - Đi trên dây (Dây đặt trên sàn), - Đi trên ván kê dốc. - Đi nổi bàn chân tiến, lùi. - Nhảy lò cò 5 m - Đi trên dây (Dây đặt trên sàn)	3,1,2,4,5,7,2
3	- Trẻ có khả năng kiểm soát được vận động: + Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng đích dắc theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi thay đổi hướng đích dắc theo hiệu lệnh - Chạy chậm khoảng 100- 120m	6,7,8,6,9
4	- Trẻ có khả năng phối hợp tay- mắt trong vận động: + Bắt và ném bóng với người đối diện (Khoảng cách 4m) + Ném trúng đích đứng xa (2m x cao 1,5m) + Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp.	- Tung bóng lên cao và bắt bóng - Đập bắt bóng tại chỗ - Tung bắt bóng tại chỗ - Đi và đập bắt bóng - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích bằng 1 tay - Ném trúng đích bằng 2 tay	3,5,4,7,1,6,8,9
5	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Chạy liên tục theo hướng thẳng 20 m trong 10 giây. + Ném trúng đích đứng (Cao 1,5m X xa 2m) + Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m	- Chạy 18 m trong 10 giây. - Chạy chậm khoảng 100- 120 m - Bò đích dắc qua 7 điểm. - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5m - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x30 cm	9,9,3,1,2,4,5,3,6,1,7,4,9

	theo đúng yêu cầu.	- Trèo lên, xuống 7 gióng thang. - Bật liên tục vào vòng. - Bật tách - khép chân qua 7 ô - Bật xa 40-50 cm. - Bật - nhảy từ trên cao xuống (40-45 cm). - Bật qua vật cản 15-20 cm - Chuyển bóng qua đầu, qua chân.	
6	- Trẻ thực hiện được các vận động: + Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. + Gập, mở lần lượt từng ngón tay	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.	1->9
7	- Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: + Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. + Cắt được theo đường viền của hình vẽ. + Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu + Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. + Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mớ tuya)	- Bẻ nắn - Tô, đồ theo nét. - Xé, cắt đường vòng cung. - Lắp ráp - Trẻ tự cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mớ tuya), xâu, luồn, buộc dây.	1->9
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8	- Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: + Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm: Chất đạm (thịt, trứng, đậu, cá...); Chất béo (mỡ, dầu, lạc...); Chất vitamin (rau, củ, quả...); Chất bột (gạo, khoai, ngô...) - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống quen thuộc ở địa phương: (rau nộm, canh măng, măng nướng, măng luộc, ...)	2,5,6
9	- Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...		5,6
10	- Trẻ biết : ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh ; uống nhiều nước ngọt, nước		2,5

	có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày(Thịt xào rau củ, quả : trứng rán, canh rau, một số món ăn của địa phương : Thịt luộc, rau luộc, măng đắng,...) và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	
11	- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: + Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. + Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch.	- Tập luyện kĩ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng; chải đầu, vuốt tóc khi tóc rối, chỉnh sửa và giữ gìn quần áo sạch sẽ, gọn gàng, thay quần áo khi bị ướt bẩn để vào đúng nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	2
12	- Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	2,3,4
13	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. + Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. + Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe(ăn chín, uống sôi, vệ sinh chân tay trước và sau khi ăn,...) - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. + <i>Cách giữ gìn vệ sinh thân thể (rửa tay, lau mặt, tắm gội, thay quần áo...)</i>	4,6
14	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: + Vệ sinh răng miệng : sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy + Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.	+ <i>Cách giữ vệ sinh môi trường (bỏ rác vào thùng, không vứt rác bừa bãi)</i> - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết.	2, 8,9

	+ Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... + Che miệng khi ho, hắt hơi. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.	- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. Ra nắng đội mũ nón. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân, và cách phòng tránh	
15	- Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng....là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.	Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng: Hàng rào B40, dây thép gai, dao, kéo, bếp điện, phích nước, ổ cắm điện...)	3
16	- Trẻ biết những nơi như: ao, hồ, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.		8
17	- Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: + Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc,.... + Biết không tự ý uống thuốc. + Biết: ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.		5,6
18	- Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: + Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp:	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng: không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc, không tự ý uống thuốc, không ăn thức ăn có mùi hôi; ăn lá lạ, quả lạ (quả xanh) dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe và thể hiện thái độ không đồng tình với người hút thuốc lá	3

	cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.		
19	- Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: + Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. + Đi về phía bên phải đường; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. + Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: Ngã xuống nước, chảy máu cam... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn, không đi theo nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép. - Biết kêu cứu khi người lạ sờ vào người, sờ vào bộ phận sinh dục, kêu cứu khi bị bắt cóc, dọa nạt... - Không ra khỏi nhà khi không được cho phép - Biết địa chỉ gia đình khi bị lạc, biết gọi người giúp đỡ. Một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: Không leo trèo lan can, hàng rào, cây... Không tự ý ra khỏi trường đi chơi, tan học về nhà ngay.	1,7
20	* Trẻ biết tham gia hoạt động học tập liên tục không mệt mỏi trong khoảng 30 phút	- Tham gia hoạt động học tập liên tục không mệt mỏi trong khoảng 30 phút	1,2,9
21	* Trẻ biết giữ đầu tóc gọn gàng		1,2,4

		- Giữ đầu tóc quần áo gọn gàng	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
a. Khám phá khoa học			
22	- Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa?”...	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi	1,2,3,4,5,6,7,8
23	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	- Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu. - Đặc điểm công dụng của 1 số PTGT và phân loại theo 2 -3 dấu hiệu. - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.	
24	- Trẻ nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	- Quá trình phát triển của cây, con vật. Điều kiện sống của 1 số loại cây, con vật. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.	
25	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống của con người, con vật và cây. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	

26	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo các dấu hiệu khác nhau.	Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu. Phân loại PTGT theo 2-3 dấu hiệu	1,3,5,6,7
27	- Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + <i>Đồ dùng cá nhân của bé</i> + <i>Đồ dùng, đồ chơi trong lớp</i> + <i>Đồ dùng học tập.</i> + <i>Đồ dùng trong gia đình</i> - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Nguyên nhân và tác hại của một số thiên tai xảy ra ở địa phương: lũ lụt, sạt lở, mưa đá, động đất, giông sét.	1,3,5,7,8
28	-Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	Nguyên nhân gây ô nhiễm nước (vứt rác thải bừa bãi, phá rừng...), cách bảo vệ nguồn nước không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây (không vứt rác, trồng cây xanh...) Cách ứng phó đơn giản với một số hiện tượng biến đổi khí hậu ở địa phương: lũ lụt, mưa đá, động đất, giông sét.	8

29	- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển. .	Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. Một số đặc điểm, tính chất của nước: Lỏng, rắn, hơi, nước tinh khiết, nước màu... Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây cối: uống, tắm, giặt, tưới cây... Một vài đặc điểm, tính chất của đất đá, cát, sỏi.	5,6,8
30	- Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	Chơi các trò chơi Hát các bài hát về cây, con vật... Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản.	5,6,7,9
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
31	- Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “Bao nhiêu?” ; “Đây là mấy?”...	– Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Trẻ so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả : bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	1,3,4,5,9
32	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.		
33	- Trẻ biết so sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả : bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.		
34	- Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách	

35	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	khác nhau và đếm.	2,4,5,6,9
36	- Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.	1,3,4,5,6,7,8,9,
37	- Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe....)	4,7
38	- Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.	6
39	- Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. - Tạo ra qui tắc sắp xếp.	
40	- Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.	9
		- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý và theo yêu cầu.	8
41	- Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau.	6
		- Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	7
		- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	8

42	- Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.	3,4
43	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.	2
44	- Trẻ gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần. - Thứ tự các mùa trong năm. - <i>Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày</i>	8
c. Khám phá xã hội			
45	- Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	2
46	- Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình . Địa chỉ gia đình (<i>Tên bản, tên xã, tỉnh</i>)	3,9
47	- Trẻ nói địa chỉ gia đình mình (bản, xã), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.		
48	- Trẻ nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.		1

49	- Trẻ nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	Tên, trường, lớp bé học và những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. Tên và đặc điểm sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường: (học, chơi, ăn, ngủ, vệ sinh...).	1
50	- Trẻ nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.		1
51	- Trẻ nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...” <i>Nghề truyền thống của quê hương: Dệt may, thợ mộc, nghề nông...</i>	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương: Nghề nông, nghề dệt, nghề đan lát. - Mọi nghề thì người làm nghề đều bình đẳng như nhau không xem trọng nam hay nữ. - Một số nghề có vai trò tham gia công tác phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu: công nhân vệ sinh môi trường, dự báo thời tiết... - Mối quan hệ giữa hoạt động nghề nghiệp đối với môi trường	4
52	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội (Ngày 2/9, lễ hội tết mông,...). Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9), cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi ...”	- <i>Ngày lễ hội</i> , sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước: <i>lễ hội tết mông, lễ hội ném pao, ngày tết trung thu, Tết nguyên Đán, 8/3, 22/12, 19/5, 01/6, 02/9, 20/11, ...</i>	1,3,4,5,6,7,9
53	- Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh: + <i>Đồi Ai, Hầm Đờ Cát, Bảo tàng lịch sử Điện</i>	9

		<i>Biên, hằm Đại tướng</i> <i>- Thủ đô Hà Nội, Hồ Gươm, Lăng Bác...</i> <i>- Danh lam thắng cảnh: Động Sơn Tổng ...</i>	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
Nghe hiểu lời nói			
54	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.	Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp	2
55	- Trẻ hiểu nghĩa một số từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...)	Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa: Tên gọi các loại đồ dùng, đồ chơi, động vật, thực vật, PTGT.... Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi (Tăng cường tiếng Việt trẻ hiểu nghĩa từ và nói được từ khó trong câu chuyện, bài thơ...) Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi.	1,3,5,6,7,9
56	- Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.		1->9
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày			
57	- Trẻ kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.	9
58	- Trẻ sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh.	Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: Tại sao? Có gì giống nhau? Có gì khác nhau? Do đâu mà có? Đặt các câu hỏi: Tại sao? Như thế nào? Làm bằng gì?	7
59	- Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh....		

			2,4,5,6,7,8,9
60	- Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép <i>tiếng việt và tiếng mẹ đẻ của trẻ.</i> - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: “Tại sao?”; “ Có gì giống nhau?”; “ Có gì khác nhau?”; Do đâu mà có?”. - Đọc biểu cảm thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. - Kể truyện theo đồ vật, theo tranh. - Kể lại sự việc theo trình tự bằng tiếng việt. - Đóng kịch (theo sự hướng dẫn của cô) - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng bằng <i>Tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ của trẻ.</i> - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp bằng <i>Tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ của trẻ.</i>	8,9
61	- Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...		1->9
62	- Trẻ kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.		9
63	- Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện.		8
64	- Trẻ biết sử dụng các từ: “Cảm ơn” ; “Xin lỗi” ; “Xin phép” ; “Thưa” ; “Dạ” ; “Vâng”... phù hợp với tình huống.		1,4,5
65	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.		3,4
Làm quen với việc đọc- viết			
66	- Trẻ biết chọn sách để	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh,	4,6

	“đọc” và xem.	lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	
67	- Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Nhận dạng các chữ cái (<i>in thường, in hoa, viết thường.</i>) - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau, gần gũi với trẻ. - Làm quen với cách đọc và viết Tiếng Việt. + Hướng đọc, viết : Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu câu theo sự hướng dẫn của cô.	7
68	- Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách, tranh, ảnh.	4,9
69	- Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...		3,7
70	- Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.		1->9
71	- Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.		1->9
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và quan hệ xã hội			
72	- Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Nói được tên bố mẹ và địa chỉ gia đình - Sở thích, khả năng của bản thân (thích búp bê, đồ chơi, trồng em...)	3
73	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Điểm giống và khác nhau của mình với người	

		khác (bạn trai, bạn gái...) - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học (con, cháu, chị, em...)	2
74	- Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Trẻ mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.	2
75	- Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.		2,3
76	- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.		1,3
77	- Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi,...)	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).	1,2,4
78	- Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. Tự tin chủ động và độc lập trong một số hoạt động: Cất, xếp đồ chơi sau khi chơi, học xong, cất bát sau khi ăn...	
79	- Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói tranh ảnh, âm nhạc.	2
80	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.		2
81	- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	2,3
82	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	

	việc...)		9
83	- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ	9
84	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Tìm hiểu về Bác Hồ, lăng Bác Hồ qua tranh ảnh, Video. - Hát và vận động các bài hát về Bác Hồ - Đọc các bài thơ, kể chuyện về Bác Hồ. Nhận biết, quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội (múa xòe, ném còn, ném pao...), văn hóa truyền thống (món ăn, trang phục...), các di tích lịch sử ở địa phương(<i>Đồi A 1, Hàm đờ cát, tượng đài, tết mông có ném pao, quay cù</i>)	9
85	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường...). Thực hiện đúng quy định về chỗ ngủ riêng theo giới tính	1,3
86	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.		1 3
87	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.	1
88	- Trẻ biết chờ đến lượt.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	2
89	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận,	- Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia	

	chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	đình: <i>Quan tâm giúp đỡ bố mẹ, ông bà, những công việc vừa sức (quét nhà, phơi khăn, rửa bát, ...).</i>	2,5,6
90	- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. <i>Biết thực hiện công việc được giao để cùng thực hiện hoạt động chung (Kê bàn, xếp ghế, kê giát giường, xếp dọn đồ chơi, trực nhật,...)</i> - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng – sai”, “tốt - xấu”	2,6
91	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối(Nhỏ cỏ, tưới nước cho cây, không ngắt lá, bẻ cành, bảo vệ động vật quý hiếm,...)	5,6
92	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.		1,8
93	- Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác, vứt rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	- Giữ gìn vệ sinh môi trường ((không xả rác, vứt rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	6,8
94	- Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm điện, nước (tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.)	3,8
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			
95	- Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	2,4,5,6,7,8,9

96	- Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc của địa phương, thích nghe và đọc thơ đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.		1->9
97	- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát. qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	1->9
98	- Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu	1->9
99	- Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	bài múa của vùng miền và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. <i>Múa Mông</i>	7,8,9
100	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.	1,2,6,7,9,1,3,5
101	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc , kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	4,5,3,6
102	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.	1,2,4
103	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng, xếp hình để tạo		

	thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.		6
104	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.		2->9
105	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.		1->9
106	- Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu 1 bài hát, bản nhạc quen thuộc của vùng miền, địa phương(một câu hoặc một đoạn) - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Đặt tên cho sản phẩm của mình.	8,9
107	- Trẻ biết sử dụng gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.		2,8,9
108	- Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.		4,5
109	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.		9

HIỆU TRƯỞNG

GIÁO VIÊN

Vũ Thị Nhớ

Lò Thị Dân

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian	TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ hội	Điều chỉnh
Từ ngày 15/09/2025– 06/10/2025	1	Trường Mầm non	Trường mầm non của bé	1	- Khai giảng (5/9/2025) - Tết trung thu (6/10/2025)	
			Lớp học của bé	1		
			Đồ dùng, đồ chơi của bé	1		
			Tết trung thu	1		
Từ ngày 13/10/2025 – 31/10/2025	2	Bản thân	Bé giới thiệu về mình	1		
			Cơ thể kỳ diệu của bé	1		
			Bé cần gì để lớn lên khỏe mạnh	1		
Từ ngày 03/11/2025 - 28/11/2025	3	Gia đình – Ngày hội của cô giáo	Gia đình và họ hàng của bé	1	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	
			Ngôi nhà thân yêu của bé	1		
			Ngày hội của cô giáo	1		
			Đồ dùng trong gia đình bé	1		
Từ ngày 01/12/2025- 02/1/2026	4	Các ngành nghề phổ biến	Nghề Nông	1		
			Nghề xây dựng	1		
			Nghề dịch vụ	1		
			Ngày Thành lập QĐNDVN	1		
			Ước mơ của bé	1		
Từ ngày 05/01/2026– 30/01/2026	5	Thế giới động vật - Bé vui đón tết Mông	Động vật nuôi trong gia đình	1	- Tết Mông - Tết dương lịch	
			Động vật sống trong rừng	1		
			Bé vui đón tết mông	1		
			Động vật sống dưới nước	1		

Từ ngày 02/02/2026 – 13/03/2026	6	Thế giới Thực vật – Bé vui đón tết	Cây xanh - người bảo vệ trái đất	1	- Bé vui đón tết (6- 20/2/2026)	
			Bé vui đón tết	1		
			Một số loại hoa	1		
			Ngày hội 8/3	1		
			Một số loại rau, củ, quả	1		
Từ ngày 16/03/2026 – 03/04/2026	7	Phương tiện và các quy định giao thông - Ngày hội 8/3	PTGT đường bộ	1		
			PTGT đường thủy, đường sắt	1		
			PTGT đường hàng không	1		
Từ ngày 06/04/2026 - 24/04/2026	8	Nước & các HTTN	Nước - Nguồn sống của con người	1		
			Hiệ tượng tự nhiên quanh bé	1		
			Mùa hè kì diệu	1		
Từ ngày 04/05/2026 - 29/05/2026	9	QHĐN – Bác Hồ - Trường TH – Tết thiếu nhi	Bé yêu quê hương đất nước	1	- - Tổng kết Năm học	
			Bác Hồ kính yêu	1		
			Bé chuẩn bị vào lớp 1	1		
			Bé vui đón tết thiếu nhi			